

Số: /2026/TT-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO 1**THÔNG TƯ**

Quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và vật liệu xây dựng và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy theo quy định tại điểm c, d, đ khoản 5 Điều 42 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ (Luật TTATGTĐB) số 36/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15 (sau đây gọi chung là Luật).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động:

a) Kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng;

b) Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo (sau đây gọi tắt là chứng nhận cải tạo);

c) Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

2. Thông tư này không áp dụng đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng* là các loại xe được quy định tại Thông tư số 53/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về phân loại phương tiện giao thông đường bộ và dấu hiệu nhận biết xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường;

2. *Tổng thành của xe* gồm: động cơ; khung; buồng lái, thân xe hoặc thùng xe; thiết bị đặc trưng, chuyên dùng lắp trên xe;

3. *Hệ thống của xe* gồm: hệ thống truyền lực; hệ thống di chuyển; hệ thống treo; hệ thống phanh; hệ thống lái; hệ thống nhiên liệu; hệ thống lưu trữ năng lượng cung cấp cho hệ truyền động của xe; hệ thống điện; hệ thống đèn chiếu sáng và tín hiệu;

4. *Lập phiếu hồ sơ phương tiện* là việc cơ sở đăng kiểm sử dụng phần mềm quản lý kiểm định kết nối với cơ sở dữ liệu của xe sản xuất, lắp ráp hoặc xe nhập khẩu của Cục Đăng kiểm Việt Nam để lập phiếu: theo mẫu quy định tại mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này đối với xe cơ giới; theo mẫu quy định tại mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này đối với xe máy chuyên dùng (trừ trường hợp xe cơ giới, xe máy chuyên dùng thuộc đối tượng kiểm định tạm thời theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này); theo mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này đối với xe mô tô, xe gắn máy, theo nguyên tắc là mỗi xe chỉ được lập duy nhất một hồ sơ phương tiện tại lần đầu tiên xe hoàn thành thủ tục miễn kiểm định hoặc kiểm định lần đầu;

5. *Lập hồ sơ phương tiện* là việc cơ sở đăng kiểm lập một bộ hồ sơ để quản lý phương tiện theo quy định tại Điều 19 của Thông tư này.

6. *Miễn kiểm định lần đầu* (sau đây gọi là miễn kiểm định) là việc cơ sở đăng kiểm căn cứ kết quả chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp hoặc nhập khẩu, thực hiện lập hồ sơ phương tiện, cấp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng;

7. *Đối tượng xe miễn kiểm định* là xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng chưa qua sử dụng, có năm sản xuất đến năm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận kiểm định dưới 02 năm (năm sản xuất cộng 01 năm), đã được cấp chứng nhận đăng ký xe, biển số xe (trừ trường hợp: xe đã cải tạo, xe không có trong cơ sở dữ liệu về chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu của Cục Đăng kiểm Việt Nam);

8. *Kiểm định lần đầu đối với xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng* là việc kiểm định đối với xe không thuộc đối tượng quy định tại khoản 6 Điều này và chưa được lập hồ sơ phương tiện;

9. *Kiểm định lần đầu đối với xe mô tô, xe gắn máy* là việc cơ sở đăng kiểm lập hồ sơ phương tiện và kiểm định khí thải để cấp giấy chứng nhận kiểm định khí thải. Riêng đối với xe có năm sản xuất tính đến thời điểm kiểm định lần đầu có thời gian không quá 05 năm (trừ trường hợp: xe đã cải tạo động cơ, hệ thống xử lý khí thải; xe không có trong cơ sở dữ liệu về chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu của Cục Đăng kiểm Việt Nam) thì cơ sở đăng kiểm căn cứ kết quả chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp hoặc nhập khẩu, thực hiện cấp giấy chứng nhận kiểm định khí thải và chủ xe không phải mang xe đến cơ sở đăng kiểm.

10. *Kiểm định định kỳ* là việc xe được kiểm tra định kỳ các lần tiếp theo sau khi xe được miễn kiểm định, kiểm định lần đầu;

11. *Cải tạo xe cơ giới, xe máy chuyên dùng* (sau đây gọi là cải tạo) là việc thay đổi đặc điểm của xe đã được cấp đăng ký xe, biển số xe hoặc xe đã qua sử dụng được nhập khẩu dẫn đến thay đổi xe theo nguyên tắc xe cải tạo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này;

12. *Cơ sở thiết kế* là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật, thực hiện dịch vụ thiết kế xe;

13. *Cơ sở cải tạo* là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật, thực hiện dịch vụ thi công cải tạo xe;

14. *Kiểm định, chứng nhận cải tạo bên ngoài cơ sở đăng kiểm* là việc kiểm định, chứng nhận cải tạo một phần hoặc toàn bộ quy trình kiểm định, chứng nhận cải tạo tại địa điểm theo đề nghị của chủ xe hoặc tại địa điểm do cơ sở đăng kiểm thiết lập ở bên ngoài của cơ sở đăng kiểm đối với các trường hợp cụ thể như sau:

a) Kiểm định, chứng nhận cải tạo xe máy chuyên dùng;

b) Kiểm định xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), chứng nhận cải tạo xe cơ giới hoạt động tại đảo không có cơ sở đăng kiểm; xe cơ giới đang hoạt động tại khu vực bảo đảm về an toàn, an ninh, quốc phòng; xe cơ giới chỉ hoạt động trong khu vực cảng, mỏ, công trường; xe cơ giới đang thực hiện nhiệm vụ cấp bách phòng chống thiên tai, dịch bệnh; xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ mà trong phạm vi được phép hoạt động không có cơ sở đăng kiểm; xe cơ giới quá khổ, quá tải vượt quá khả năng đáp ứng về mặt bằng, thiết bị của dây chuyền kiểm định tại cơ sở đăng kiểm;

c) Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

15. *Phần mềm quản lý kiểm định* là phần mềm quản lý hoạt động: miễn kiểm định, kiểm định xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng; kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

16. *Phần mềm quản lý cải tạo* là phần mềm quản lý hoạt động cải tạo xe cơ giới, xe máy chuyên dùng;

17. *Giấy chứng nhận kiểm định bản điện tử* là phiên bản số của Giấy chứng nhận kiểm định, được tạo lập và quản lý bởi phần mềm quản lý kiểm định của Cục Đăng kiểm Việt Nam;

18. *Thu hồi giấy chứng nhận kiểm định bản điện tử* là việc cơ sở đăng kiểm thực hiện hủy bỏ hiệu lực của: Giấy chứng nhận kiểm định của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; Giấy chứng nhận kiểm định khí thải của xe mô tô, xe gắn máy trên phần mềm quản lý kiểm định của Cục Đăng kiểm Việt Nam;

19. *Giấy chứng nhận kiểm định thiết bị nâng, bình chịu áp lực* là bản chính hoặc bản sao có chứng thực, bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính của Giấy chứng nhận kiểm định theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động còn hiệu lực đối với: thiết bị nâng hàng có sức nâng theo thiết kế từ 1.000 (kg) trở lên; thiết bị nâng người có chiều cao nâng lớn nhất lớn hơn 2,0 (m); xi téc chở khí hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 (bar) hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra phải sử dụng khí có áp suất cao hơn 0,7 (bar) hoặc là dữ liệu về Giấy chứng nhận kiểm định của các thiết bị nâng, bình chịu áp lực còn hiệu lực được chia sẻ từ tổ chức có thẩm quyền kiểm định thiết bị nâng, bình chịu áp lực.

20. *Dữ liệu phương tiện vi phạm bị từ chối kiểm định* là dữ liệu tra cứu từ phần mềm thông báo phương tiện vi phạm của Cục Đăng kiểm Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật;

21. *Chủ xe* là người thực hiện các thủ tục liên quan đến việc kiểm định xe, cải tạo xe với cơ sở đăng kiểm;

22. *Giấy tờ về đăng ký xe* là một trong các giấy tờ sau: bản chính chứng nhận đăng ký xe hoặc đăng ký xe tạm thời; bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính chứng nhận đăng ký xe hoặc đăng ký xe tạm thời; giấy chứng nhận đăng ký xe hoặc đăng ký xe tạm thời được tích hợp trên tài khoản định danh điện tử từ mức độ 2 trở lên hoặc là dữ liệu về đăng ký xe được chia sẻ từ cơ quan đăng ký xe;

23. *Giấy tờ về chủ xe* là một trong các giấy tờ sau: bản chính căn cước, căn cước công dân hoặc căn cước điện tử tích hợp trên tài khoản định danh điện tử từ mức độ 2 trở lên hoặc là dữ liệu về công dân được chia sẻ từ cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC KIỂM ĐỊNH, MIỄN KIỂM ĐỊNH ĐỐI VỚI XE CƠ GIỚI (TRỪ XE MÔ TÔ XE GẮN MÁY), XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Mục 1

MIỄN KIỂM ĐỊNH

Điều 4. Hồ sơ đề nghị

Hồ sơ đề nghị miễn kiểm định cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng gồm có:

1. Giấy tờ phải nộp

a) Ảnh chụp số khung, số động cơ hoặc ảnh chụp bản chà số khung, số động cơ của xe được dán trên Thông báo miễn kiểm tra hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (đối với xe nhập khẩu), Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với xe sản xuất, lắp ráp);

b) Ảnh chụp xe bao gồm: 02 ảnh tổng thể chéo góc khoảng từ 30 độ đến 45 độ phía trước và phía sau (thể hiện rõ biển số xe). Ảnh chụp phải đảm bảo có độ phân giải tối thiểu 1280x720 pixels, rõ nét, thể hiện thời gian thực khi chụp (gồm ngày, tháng, năm, giờ, phút chụp ảnh), ảnh chiếm diện tích tối thiểu 75% diện tích khung ảnh.

c) Bản sao Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước), bản sao Thông báo miễn hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (đối với xe nhập khẩu) đối với trường hợp bất khả kháng mà dữ liệu của Cục Đăng kiểm Việt Nam chưa chia sẻ được.

2. Giấy tờ phải xuất trình

a) Giấy tờ về đăng ký xe;

b) Giấy chứng nhận kiểm định thiết bị nâng, bình chịu áp lực;

c) Giấy tờ về chủ xe.

Điều 5. Trình tự, thủ tục thực hiện

1. Nộp hồ sơ đề nghị

Chủ xe lựa chọn bất kỳ cơ sở đăng kiểm nào trên phạm vi cả nước để nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 4 Thông tư này trực tuyến trên Trang thông tin điện tử hoặc trên ứng dụng đăng kiểm của Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính tới cơ sở đăng kiểm.

2. Cơ sở đăng kiểm thực hiện

Cơ sở đăng kiểm tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ và trả kết quả trong thời gian tối đa 04 giờ làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Trường hợp hồ sơ đầy đủ và phù hợp: đối với hồ sơ điện tử, cơ sở đăng kiểm ký xác nhận vào Phiếu tiếp nhận hồ sơ miễn kiểm định, hệ thống tự động cấp số tiếp nhận hồ sơ và gửi cho chủ xe, lập phiếu hồ sơ phương tiện thông qua phần mềm quản lý kiểm định của Cục Đăng kiểm Việt Nam; đối với hồ sơ giấy, cơ sở đăng kiểm lập phiếu kiểm soát kiểm định theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này, lập phiếu hồ sơ phương tiện và lập hồ sơ phương tiện.

b) Trường hợp hồ sơ xe không đầy đủ hoặc không phù hợp, cơ sở đăng kiểm trả lại hồ sơ tương ứng với hình thức nhận hồ sơ và cấp thông báo không đạt theo

mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này để chủ xe bỏ sung, sửa đổi.

c) Trường hợp xe không thuộc đối tượng miễn kiểm định hoặc xe đã được cấp miễn kiểm định hoặc xe thuộc trường hợp bị từ chối kiểm định hoặc không có dữ liệu về đăng ký xe được chia sẻ từ cơ quan đăng ký xe thì cơ sở đăng kiểm từ chối tiếp nhận và cấp thông báo không đạt theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Cấp giấy chứng nhận kiểm định

Trong 04 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ sở đăng kiểm căn cứ hồ sơ đề nghị thực hiện trình tự phát hành giấy chứng nhận kiểm định, cấp tem kiểm định theo quy định tại Điều 18 của Thông tư này.

Mục 2

KIỂM ĐỊNH LẦN ĐẦU, KIỂM ĐỊNH ĐỊNH KỲ, KIỂM ĐỊNH CHO XE CÓ CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI

Điều 6. Hồ sơ đề nghị kiểm định lần đầu

Hồ sơ đề nghị kiểm định lần đầu đối với xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng gồm có:

1. Giấy tờ phải nộp

a) Văn bản đề nghị kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm theo mẫu số 02 của Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này (đối với trường hợp kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm quy định tại khoản 14 Điều 3 của Thông tư này);

b) Ảnh chụp số khung, số động cơ hoặc ảnh chụp bản chà số khung, số động cơ của xe được dán trên Thông báo miễn kiểm tra hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe nhập khẩu, Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng đối với xe sản xuất, lắp ráp;

c) Bản sao: phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước), Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (đối với xe nhập khẩu) trong trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật (sau đây gọi là trường hợp bất khả kháng) mà dữ liệu của Cục Đăng kiểm Việt Nam chưa chia sẻ được;

d) Bản chính giấy chứng nhận cải tạo của xe (đối với xe cải tạo) đối với trường hợp bất khả kháng mà dữ liệu về cải tạo của xe chưa chia sẻ được từ Cục Đăng kiểm Việt Nam.

2. Giấy tờ phải xuất trình

a) Giấy tờ về đăng ký xe;

b) Giấy chứng nhận kiểm định thiết bị nâng, bình chịu áp lực;

c) Giấy tờ về chủ xe.

Điều 7. Hồ sơ đề nghị kiểm định định kỳ

Hồ sơ đề nghị kiểm định định kỳ đối với xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng gồm có:

1. Giấy tờ phải nộp

a) Văn bản đề nghị kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm theo mẫu số 02 của Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này (đối với trường hợp kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm quy định tại khoản 14 Điều 3 của Thông tư này);

b) Ảnh chụp số khung, số động cơ hoặc ảnh chụp bản chà số khung, số động cơ của xe (đối với trường hợp xe thay đổi số khung, số động cơ);

2. Giấy tờ phải xuất trình

a) Giấy tờ về đăng ký xe;

b) Chứng nhận kiểm định thiết bị nâng, bình chịu áp lực;

c) Giấy tờ về chủ xe.

Điều 8. Hồ sơ đề nghị kiểm định đối với xe có chứng nhận đăng ký xe tạm thời

Hồ sơ đề nghị kiểm định đối với xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng gồm có:

1. Trường hợp xe sản xuất, lắp ráp trong nước, xe thuộc đối tượng nghiên cứu, phát triển có nhu cầu tham gia giao thông đường bộ, hồ sơ đề nghị kiểm định gồm có:

a) Giấy tờ phải nộp: Bản sao phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng trong trường hợp bất khả kháng mà dữ liệu của Cục Đăng kiểm Việt Nam chưa chia sẻ được.

b) Giấy tờ phải xuất trình: Giấy tờ về chủ xe.

2. Trường hợp xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải, hồ sơ đề nghị kiểm định gồm có:

a) Giấy tờ phải nộp: Văn bản đề nghị kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải, bản thông số kỹ thuật xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải theo mẫu số 01 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này cùng bản dịch thuật tiếng việt có chứng thực phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của nhà sản xuất nước ngoài;

b) Giấy tờ phải xuất trình: Giấy tờ về chủ xe.

3. Trường hợp xe nhập khẩu di chuyển từ cửa khẩu cảng đến kho, bãi lưu trữ, đại lý bán xe hoặc từ kho, bãi lưu trữ đại lý bán xe đến nơi đăng ký xe hoặc về các đại lý, kho, bãi lưu trữ khác theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 39 Luật TTATGTĐB, hồ sơ đề nghị kiểm định gồm có:

a) Giấy tờ phải nộp: bản sao phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của nhà sản xuất nước ngoài;

b) Giấy tờ phải xuất trình: Giấy tờ về chủ xe; giấy tờ về đăng ký xe.

Điều 9. Trình tự, thủ tục thực hiện

1. Nộp hồ sơ đề nghị

Tùy thuộc vào đối tượng quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 Thông tư này, chủ xe lựa chọn bất kỳ cơ sở đăng kiểm nào trên phạm vi cả nước để nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tương ứng trực tuyến trên Trang thông tin điện tử hoặc ứng dụng đăng kiểm của Cục Đăng kiểm Việt Nam. Trường hợp bất khả kháng, chủ xe nộp hồ sơ giấy trực tiếp tại cơ sở đăng kiểm hoặc qua hệ thống bưu chính.

2. Thực hiện kiểm tra, đánh giá hồ sơ

Cơ sở đăng kiểm tiến hành kiểm tra, đánh giá hồ sơ ngay trong ngày nhận được hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: trường hợp hồ sơ đầy đủ và phù hợp, xe không thuộc đối tượng bị từ chối kiểm định, có dữ liệu về đăng ký xe được chia sẻ từ cơ quan đăng ký xe thì thông báo về thời gian kiểm định xe theo mẫu quy định tại mẫu số 03 Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này trên hệ thống trực tuyến (đối với hồ sơ điện tử) hoặc thông báo trực tiếp cho chủ xe (đối với hồ sơ nộp trực tiếp) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính (đối với trường hợp hồ sơ đề nghị được nộp qua hệ thống bưu chính). Cơ sở đăng kiểm lập phiếu kiểm soát kiểm định theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không phù hợp, xe thuộc đối tượng bị từ chối kiểm định, không có dữ liệu về đăng ký xe được chia sẻ từ cơ quan đăng ký xe, cơ sở đăng kiểm gửi thông báo theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này trên hệ thống trực tuyến (đối với hồ sơ điện tử) hoặc gửi trực tiếp (đối với hồ sơ nộp trực tiếp) hoặc qua hệ thống bưu chính (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính) cho chủ xe.

b) Kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm: Trường hợp hồ sơ đầy đủ và phù hợp, xe không thuộc đối tượng bị từ chối kiểm định, xe thuộc đối tượng kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm, địa điểm thực hiện kiểm định đảm bảo yêu cầu theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ô tô, rơ moóc, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ trong kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (QCVN 122:2024/BGTVT) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe máy chuyên dùng (QCVN 13:2024/BGTVT), cơ sở đăng kiểm lập giấy hẹn lịch kiểm định theo mẫu số 03 Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư này gửi cho chủ xe; lập phiếu kiểm soát kiểm định theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không phù hợp, xe thuộc đối tượng bị từ chối kiểm định, xe không thuộc đối tượng kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm hoặc địa điểm thực hiện kiểm định không đảm bảo yêu cầu theo quy định tại QCVN 122:2024/BGTVT và QCVN 13:2024/BGTVT, cơ sở đăng kiểm gửi thông báo theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này trên hệ thống trực tuyến (đối với hồ sơ điện tử) hoặc gửi trực tiếp (đối với hồ sơ

nộp trực tiếp) hoặc qua hệ thống bưu chính (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính) cho chủ xe.

3. Thực hiện kiểm định xe cơ giới

a) Cơ sở đăng kiểm kiểm tra, đối chiếu xe thực tế với hồ sơ đề nghị: trường hợp thông tin thể hiện trên hồ sơ đề nghị không đúng với biển số xe (kể cả việc sai khác về màu biển số) hoặc với xe thực tế, cơ sở đăng kiểm gửi thông báo về nội dung không đạt theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này trên hệ thống trực tuyến (đối với hồ sơ điện tử) hoặc gửi trực tiếp (đối với hồ sơ nộp trực tiếp) cho chủ xe, đồng thời nhập thông tin vào phần mềm thông báo phương tiện vi phạm của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Trường hợp xe thực tế phù hợp với hồ sơ đề nghị, cơ sở đăng kiểm lập hồ sơ phương tiện (trừ trường hợp xe có chứng nhận đăng ký tạm thời) và thực hiện kiểm định. Đối với xe không có trong cơ sở dữ liệu về sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu, kiểm định, cải tạo của Cục Đăng kiểm Việt Nam, trước khi lập hồ sơ phương tiện, cơ sở đăng kiểm phải lập bản xác nhận thông số kỹ thuật của xe theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này kèm theo tài liệu liên quan đến thông số kỹ thuật, năm sản xuất của xe (tài liệu công bố của nhà sản xuất hoặc kết quả giám định của tổ chức có thẩm quyền).

b) Việc kiểm định phải được thực hiện đầy đủ các hạng mục kiểm tra quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ô tô, rơ moóc, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ trong kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường QCVN 122:2024/BGTVT được tổ chức thực hiện theo 05 công đoạn sau:

Công đoạn 1: kiểm tra nhận dạng, tổng quát;

Công đoạn 2: kiểm tra phần trên của phương tiện;

Công đoạn 3: kiểm tra hiệu quả phanh và trượt ngang;

Công đoạn 4: kiểm tra phần dưới của phương tiện;

Công đoạn 5: kiểm tra môi trường.

Riêng đối với trường hợp kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm, việc kiểm tra, đánh giá hạng mục kiểm tra hiệu quả phanh, trượt ngang được thực hiện trên đường thử và phải có dụng cụ, thiết bị kiểm tra, hỗ trợ kiểm tra đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở đăng kiểm khí thải xe mô tô, xe gắn máy (QCVN 103: 2024/BGTVT). Kết quả kiểm tra hiệu quả phanh, trượt ngang phải được ghi nhận trong Phiếu kiểm tra phanh, trượt ngang theo mẫu số 04 Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này và đính kèm cùng với phiếu kiểm định xe cơ giới khi kết thúc kiểm tra.

c) Cơ sở đăng kiểm thực hiện chụp ảnh đối với trường hợp xe kiểm định lần đầu và trường hợp xe có sự thay đổi nhưng không coi là cải tạo tại địa điểm thực hiện kiểm định, bao gồm ảnh chụp phương tiện thể hiện biển số xe và ảnh tổng thể chéo góc khoảng từ 30 độ đến 45 độ, chụp 02 ảnh tổng thể chéo góc khoảng

từ 30 độ đến 45 độ phía trước và phía sau. Ảnh chụp phải đảm bảo có độ phân giải tối thiểu 1280x720 pixels, rõ nét, thể hiện thời gian thực khi chụp (gồm ngày, tháng, năm, giờ, phút chụp ảnh), ảnh chiếm diện tích tối thiểu 75% diện tích khung ảnh để lưu vào hồ sơ kiểm định.

d) Kết quả kiểm định được thể hiện trên phiếu kiểm định xe cơ giới theo mẫu số 01 Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này và được xử lý như sau:

- Xe được cấp giấy chứng nhận kiểm định khi không có khiếm khuyết hư hỏng hoặc chỉ có khiếm khuyết, hư hỏng không quan trọng (MINOR DEFECTS - **MID**);

- Xe phải sửa chữa để kiểm định lại khi có khiếm khuyết, hư hỏng quan trọng (MAJOR DEFECTS - **MAD**);

- Xe không được tham gia giao thông và phải sửa chữa để kiểm định lại khi có khiếm khuyết, hư hỏng nguy hiểm (DANGEROUS DEFECTS - **DD**).

4. Thực hiện kiểm định xe máy chuyên dùng

a) Cơ sở đăng kiểm kiểm tra, đối chiếu xe thực tế với hồ sơ đề nghị: trường hợp thông tin thể hiện trên hồ sơ đề nghị không đúng với biển số xe (kể cả việc sai khác về màu biển số) hoặc với xe thực tế, cơ sở đăng kiểm gửi thông báo về nội dung không đạt theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này trên hệ thống trực tuyến (đối với hồ sơ điện tử) hoặc gửi trực tiếp (đối với hồ sơ nộp trực tiếp) cho chủ xe, đồng thời nhập thông tin vào phần mềm thông báo phương tiện vi phạm của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Trường hợp xe thực tế phù hợp với hồ sơ đề nghị, cơ sở đăng kiểm lập hồ sơ phương tiện đối với xe kiểm định lần đầu và thực hiện kiểm định. Riêng trường hợp xe không có trong cơ sở dữ liệu về sản xuất, lắp ráp, kiểm định, cải tạo của Cục Đăng kiểm Việt Nam, cơ sở đăng kiểm phải lập bản xác nhận thông số kỹ thuật của xe theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này kèm theo tài liệu liên quan đến thông số kỹ thuật, năm sản xuất của xe (tài liệu công bố của nhà sản xuất hoặc kết quả giám định của tổ chức có thẩm quyền).

b) Việc kiểm định phải được thực hiện đầy đủ các hạng mục kiểm tra theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe máy chuyên dùng QCVN 13:2024/BGTVT. Kết quả kiểm định được thể hiện trên phiếu kiểm định xe máy chuyên dùng theo mẫu số 02 Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

Riêng đối với trường hợp kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm, việc kiểm tra hiệu quả phanh đối với xe máy chuyên dùng có yêu cầu kiểm tra hiệu quả phanh trên đường thì được thực hiện trên đường thử và phải có dụng cụ, thiết bị kiểm tra, hỗ trợ kiểm tra đáp ứng yêu cầu theo quy định tại QCVN 103: 2024/BGTVT. Kết quả kiểm tra phanh phải được ghi nhận vào Phiếu kiểm tra phanh trên đường theo mẫu số 05 Phụ lục VIII ban hành kèm Thông tư này và đính kèm cùng với phiếu kiểm định xe máy chuyên dùng khi kết thúc kiểm tra.

c) Cơ sở đăng kiểm thực hiện chụp ảnh đối với trường hợp xe kiểm định lần đầu và trường hợp xe có sự thay đổi nhưng không coi là cải tạo tại địa điểm thực hiện kiểm định, bao gồm ảnh chụp phương tiện thể hiện ảnh biển số và ảnh tổng thể chéo góc 45 độ, chụp 02 ảnh tổng thể chéo góc khoảng từ 30 độ đến 45 độ phía trước và phía sau. Ảnh chụp phải đảm bảo có độ phân giải tối thiểu 1280x720 pixels, rõ nét, thể hiện thời gian thực khi chụp (gồm ngày, tháng, năm, giờ, phút chụp ảnh), ảnh chiếm diện tích tối thiểu 75% diện tích khung ảnh.

5. Cấp kết quả kiểm định

Trong ngày làm việc đối với trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm hoặc trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra, đánh giá đối với trường hợp kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm, cơ sở đăng kiểm phát hành giấy chứng nhận kiểm định, cấp tem kiểm định hoặc thông báo kết quả không đạt, cụ thể như sau:

a) Trường hợp xe có kết quả kiểm định không đạt yêu cầu: cơ sở đăng kiểm thực hiện lập thông báo kết quả kiểm định không đạt theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này trên hệ thống trực tuyến (đối với hồ sơ điện tử) hoặc gửi trực tiếp (đối với hồ sơ nộp trực tiếp) cho chủ xe, nhập nội dung không đạt vào phần mềm quản lý kiểm định để đưa thông tin phương tiện có kết quả kiểm định không đạt ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá.

b) Trường hợp xe có kết quả kiểm định đạt yêu cầu: cơ sở đăng kiểm phát hành giấy chứng nhận kiểm định bản điện tử và dán tem kiểm định theo quy định tại Điều 18 Thông tư này. Trường hợp bất khả kháng chưa phát hành được giấy chứng nhận kiểm định bản điện tử, cơ sở đăng kiểm cấp tem kiểm định và giấy hẹn phát hành giấy chứng nhận kiểm định cho chủ xe theo mẫu số 01 quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này. Khi sự cố được khắc phục, cơ sở đăng kiểm thực hiện ngay việc phát hành giấy chứng nhận kiểm định, đồng thời thông báo cho chủ xe được biết.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY

Điều 10. Hồ sơ đề nghị kiểm định khí thải lần đầu

1. Giấy tờ phải nộp

a) Ảnh chụp số khung, số động cơ hoặc ảnh chụp bản chà số khung, số động cơ của xe được dán trên Thông báo miễn kiểm tra hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe nhập khẩu, Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng đối với xe sản xuất, lắp ráp;

b) Bản sao: phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước), Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (đối với xe nhập khẩu) trong trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật (sau đây gọi là trường hợp bất khả kháng) mà dữ liệu của Cục Đăng kiểm Việt Nam chưa chia sẻ được;

c) Ảnh chụp xe bao gồm: 02 ảnh tổng thể chéo góc khoảng từ 30 độ đến 45 độ bên trái, phía trước và bên phải, phía sau (thể hiện rõ biển số xe), ảnh chụp phải đảm bảo có độ phân giải tối thiểu 1280x720 pixels, rõ nét, thể hiện thời gian thực khi chụp (gồm ngày, tháng, năm, giờ, phút chụp ảnh), ảnh chiếm diện tích tối thiểu 75% diện tích khung ảnh;

d) Bản chính giấy chứng nhận cải tạo của xe (đối với xe cải tạo) đối với trường hợp bất khả kháng mà dữ liệu về cải tạo của xe chưa chia sẻ được từ Cục Đăng kiểm Việt Nam.

2. Giấy tờ phải xuất trình

a) Giấy tờ về đăng ký xe;

b) Giấy tờ về chủ xe.

Điều 11. Hồ sơ đề nghị kiểm định khí thải định kỳ

1. Giấy tờ phải nộp

Bản chính giấy chứng nhận cải tạo của xe (đối với xe cải tạo) đối với trường hợp bất khả kháng mà dữ liệu về cải tạo của xe chưa chia sẻ được từ Cục Đăng kiểm Việt Nam.

2. Giấy tờ phải xuất trình

a) Giấy tờ về đăng ký xe;

b) Giấy tờ về chủ xe.

Điều 12. Hồ sơ đề nghị kiểm định khí thải đối với xe có chứng nhận đăng ký xe tạm thời

Chủ xe phải đưa xe đến cơ sở đăng kiểm để kiểm định khí thải

1. Trường hợp xe sản xuất, lắp ráp trong nước, xe thuộc đối tượng nghiên cứu, phát triển có nhu cầu tham gia giao thông đường bộ, hồ sơ gồm có:

a) Giấy tờ phải nộp: Bản sao phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng trong trường hợp bất khả kháng mà dữ liệu của Cục Đăng kiểm Việt Nam chưa chia sẻ được.

b) Giấy tờ phải xuất trình: Giấy tờ về đăng ký xe; Giấy tờ về chủ xe.

2. Trường hợp xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải, hồ sơ đề nghị kiểm định gồm có:

a) Giấy tờ phải nộp: Văn bản đề nghị kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải, bản thông số kỹ thuật xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải theo mẫu số 01 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này cùng bản dịch thuật tiếng việt có chứng thực phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của nhà sản xuất nước ngoài;

b) Giấy tờ phải xuất trình: Giấy tờ về đăng ký xe; Giấy tờ về chủ xe.

Điều 13. Trình tự, thủ tục thực hiện

1. Nộp hồ sơ đề nghị

Tùy thuộc vào đối tượng quy định tại Điều 10, Điều 11, Điều 12 Thông tư này, chủ xe lựa chọn bất kỳ cơ sở đăng kiểm nào trên phạm vi cả nước để nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tương ứng trực tuyến trên Trang thông tin điện tử hoặc ứng dụng đăng kiểm của Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính tới cơ sở đăng kiểm.

2. Đối với trường hợp kiểm định lần đầu với xe có thời gian tính từ năm sản xuất không quá 05 năm

Cơ sở đăng kiểm tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ và trả kết quả trong thời gian tối đa 03 giờ làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Trường hợp hồ sơ đầy đủ và phù hợp, xe chưa được cấp giấy chứng nhận kiểm định khí thải, xe không thuộc đối tượng bị từ chối kiểm định và có dữ liệu về đăng ký xe được chia sẻ từ cơ quan đăng ký xe:

Đối với hồ sơ điện tử, cơ sở đăng kiểm ký xác nhận vào Phiếu tiếp nhận hồ sơ miễn kiểm định, hệ thống tự động cấp số tiếp nhận hồ sơ và gửi cho chủ xe, lập phiếu hồ sơ phương tiện thông qua phần mềm quản lý kiểm định của Cục Đăng kiểm Việt Nam và lập hồ sơ phương tiện;

Đối với hồ sơ giấy, cơ sở đăng kiểm lập phiếu kiểm soát kiểm định theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này, lập phiếu hồ sơ phương tiện và lập hồ sơ phương tiện.

b) Trường hợp hồ sơ xe không đầy đủ hoặc không phù hợp; xe đã được cấp giấy chứng nhận kiểm định khí thải; xe thuộc trường hợp bị từ chối kiểm định hoặc không có dữ liệu về đăng ký xe được chia sẻ từ cơ quan đăng ký xe, cơ sở đăng kiểm trả lại hồ sơ tương ứng với hình thức nhận hồ sơ và cấp thông báo không đạt theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này để chủ xe bổ sung, sửa đổi.

c) Cấp giấy chứng nhận kiểm định khí thải

Trong 03 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ sở đăng kiểm căn cứ hồ sơ đề nghị thực hiện trình tự phát hành Giấy chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy (bản điện tử) theo mẫu quy định tại mẫu số 09 Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư này trên hệ thống trực tuyến (đối với hồ sơ điện tử) hoặc cấp Giấy chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy (bản giấy) trực tiếp cho chủ xe (đối với hồ sơ giấy), thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận được quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Đối với trường hợp kiểm định lần đầu với xe có thời gian tính từ năm sản xuất quá 05 năm

Chủ xe phải mang xe đến Cơ sở đăng kiểm, Cơ sở đăng kiểm tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ và trả kết quả trong thời gian tối đa 03 giờ làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Trường hợp hồ sơ đầy đủ và phù hợp, xe không thuộc đối tượng bị từ chối kiểm định và có dữ liệu về đăng ký xe được chia sẻ từ cơ quan đăng ký xe:

Đối với hồ sơ điện tử, cơ sở đăng kiểm ký xác nhận vào Phiếu tiếp nhận hồ sơ miễn kiểm định, hệ thống tự động cấp số tiếp nhận hồ sơ, lập thông báo về thời gian kiểm định khí thải theo mẫu quy định tại mẫu số 03 Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này và gửi cho chủ xe, lập phiếu hồ sơ phương tiện thông qua phần mềm quản lý kiểm định của Cục Đăng kiểm Việt Nam, lập hồ sơ phương tiện; đối với hồ sơ giấy, cơ sở đăng kiểm lập phiếu kiểm soát kiểm định theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này, lập phiếu hồ sơ phương tiện và lập hồ sơ phương tiện. Thực hiện kiểm định khí thải, cấp giấy chứng nhận kiểm định theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 4 Điều này.

b) Trường hợp hồ sơ xe không đầy đủ hoặc không phù hợp, xe thuộc trường hợp bị từ chối kiểm định hoặc không có dữ liệu về đăng ký xe được chia sẻ từ cơ quan đăng ký xe, cơ sở đăng kiểm trả lại hồ sơ tương ứng với hình thức nhận hồ sơ và cấp thông báo không đạt theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này để chủ xe bổ sung, sửa đổi, khắc phục.

4. Đối với trường hợp kiểm định định kỳ, có chứng nhận đăng ký xe tạm thời

Cơ sở đăng kiểm tiến hành kiểm tra, đánh giá hồ sơ ngay trong ngày nhận được hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Trường hợp hồ sơ đầy đủ và phù hợp, xe không thuộc đối tượng bị từ chối kiểm định và có dữ liệu về đăng ký xe được chia sẻ từ cơ quan đăng ký xe thì thông báo về thời gian kiểm định khí thải theo mẫu quy định tại mẫu số 03 Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này trên hệ thống trực tuyến (đối với hồ sơ điện tử) hoặc thông báo trực tiếp (đối với hồ sơ nộp trực tiếp) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính (đối với hồ sơ được nộp qua hệ thống bưu chính) cho chủ xe. Cơ sở đăng kiểm lập phiếu kiểm soát kiểm định theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không phù hợp, xe thuộc đối tượng bị từ chối kiểm định hoặc không có dữ liệu về đăng ký xe được chia sẻ từ cơ quan đăng ký xe, cơ sở đăng kiểm gửi thông báo theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này trên hệ thống trực tuyến (đối với hồ sơ điện tử) hoặc gửi trực tiếp (đối với hồ sơ nộp trực tiếp) hoặc qua hệ thống bưu chính (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính) cho chủ xe.

c) Thực hiện kiểm định khí thải

Cơ sở đăng kiểm kiểm tra, đối chiếu xe thực tế với hồ sơ đề nghị: trường hợp thông tin thể hiện trên hồ sơ đề nghị không đúng với biển số xe hoặc với xe thực tế, cơ sở đăng kiểm gửi thông báo về nội dung không đạt theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này trên hệ thống trực tuyến (đối với hồ sơ điện tử) hoặc gửi trực tiếp (đối với hồ sơ nộp trực tiếp) cho chủ xe, đồng thời nhập thông tin vào phần mềm thông báo phương tiện vi phạm của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Trường hợp xe thực tế phù hợp với hồ sơ đề nghị, cơ sở đăng kiểm lập hồ sơ phương tiện đối với xe chưa có hồ sơ phương tiện (trừ trường hợp xe có chứng nhận đăng ký tạm thời) và thực hiện kiểm định khí thải. Đối với xe không có trong cơ sở dữ liệu về sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu, kiểm định, cải tạo của Cục Đăng kiểm Việt Nam, trước khi lập hồ sơ phương tiện, cơ sở đăng kiểm phải lập bản xác nhận thông số kỹ thuật của xe theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này kèm theo tài liệu liên quan đến thông số kỹ thuật, năm sản xuất của xe (tài liệu công bố của nhà sản xuất hoặc kết quả giám định của tổ chức có thẩm quyền).

Việc kiểm định phải được thực hiện đầy đủ các hạng mục kiểm tra quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ô tô, rơ moóc, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ trong kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (QCVN 122:2024/BGTVT). Cơ sở đăng kiểm thực hiện chụp ảnh xe tại địa điểm thực hiện kiểm định, chụp 02 ảnh tổng thể chéo góc khoảng từ 30 độ đến 45 độ phía trước bên trái và phía sau bên phải (thể hiện rõ biển số xe) để lưu hồ sơ. Ảnh chụp phải đảm bảo có độ phân giải tối thiểu 1280x720 pixels, rõ nét, thể hiện thời gian thực khi chụp (gồm ngày, tháng, năm, giờ, phút chụp ảnh), ảnh chiếm diện tích tối thiểu 75% diện tích khung ảnh.

d) Cấp giấy chứng nhận kiểm định

Ngay sau khi kết thúc kiểm định khí thải, cơ sở đăng kiểm phát hành Giấy chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy (bản điện tử) theo mẫu quy định tại mẫu số 09 Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư này trên hệ thống trực tuyến (đối với hồ sơ điện tử) hoặc cấp Giấy chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy (bản giấy) trực tiếp cho chủ xe (đối với hồ sơ giấy), thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận được quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp kết quả kiểm định khí thải không đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật, cơ sở đăng kiểm cấp Thông báo không đạt theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, nhập nội dung không đạt vào phần mềm quản lý kiểm định để đưa thông tin phương tiện có kết quả kiểm định không đạt ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá.

Chương IV

XỬ LÝ TRƯỜNG HỢP PHÁT SINH TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH

Điều 14. Xử lý các trường hợp phát sinh

1. Đối với việc lập hồ sơ phương tiện

a) Trường hợp bất khả kháng mà không thể sử dụng phần mềm quản lý kiểm định để lập hồ sơ phương tiện, cơ sở đăng kiểm sử dụng hồ sơ giấy để thực hiện việc lập hồ sơ phương tiện. Khi hệ thống trực tuyến đã khắc phục sự cố, cơ sở đăng kiểm phải cập nhật dữ liệu vào phần mềm quản lý kiểm định của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Trường hợp phát hiện thông tin trên dữ liệu của xe sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu có sự sai khác với xe thực tế thì dừng việc lập hồ sơ phương tiện, thông báo theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này gửi cho chủ xe,

đồng thời phản hồi về Cục Đăng kiểm Việt Nam theo mẫu Phụ lục XXI ban hành kèm theo Thông tư này để phối hợp xử lý. Cơ sở đăng kiểm chỉ thực hiện việc lập hồ sơ phương tiện sau khi Cục Đăng kiểm Việt Nam đã xác nhận và có thông tin phù hợp.

c) Trường hợp xe không có dữ liệu trong cơ sở dữ liệu về xe sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu của Cục Đăng kiểm Việt Nam (trường hợp xe bị tịch thu, đấu giá) thì cơ sở đăng kiểm lập bản xác nhận thông số kỹ thuật của xe theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này kèm theo các tài liệu về thông số kỹ thuật, năm sản xuất của xe (tài liệu công bố của nhà sản xuất hoặc kết quả giám định của tổ chức có thẩm quyền).

2. Trường hợp trên hệ thống thông tin phương tiện vi phạm của Cục Đăng kiểm Việt Nam thể hiện trạng thái xe chưa hoàn thành khắc phục việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ mà chủ xe cung cấp được bằng chứng khắc phục bao gồm: Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực giao thông đường bộ, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Biên lai thu thuế, phí, lệ phí và thu phạt vi phạm hành chính thể hiện đã được khắc phục các lỗi vi phạm đang bị cảnh báo trên hệ thống thì cơ sở đăng kiểm đưa các tài liệu này lên hệ thống thông tin phương tiện vi phạm của Cục Đăng kiểm Việt Nam làm bằng chứng và thực hiện trình tự thủ tục kiểm định cho chiếc xe này.

3. Trường hợp dữ liệu về đăng ký xe có thông tin không phù hợp với cơ sở dữ liệu của Cục Đăng kiểm Việt Nam thì đề nghị chủ xe liên hệ với cơ quan đăng ký xe để phối hợp xử lý. Trường hợp chủ xe xuất trình giấy tờ về đăng ký xe nhưng kết quả tra cứu không có dữ liệu về đăng ký xe cơ sở đăng kiểm thông báo cho cơ quan Công an nơi đăng ký xe để phối hợp xử lý, lập thông báo từ chối tiếp nhận hồ sơ theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này gửi trực tiếp cho chủ xe.

4. Trường hợp chủ xe xuất trình giấy tờ về đăng ký xe nhưng kết quả tra cứu không có dữ liệu về đăng ký xe hoặc có dữ liệu nhưng không phù hợp (dữ liệu của xe khác), cơ sở đăng kiểm thông báo từ chối tiếp nhận hồ sơ theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này trực tiếp cho chủ xe, đồng thời thông báo cho cơ quan Công an để phối hợp xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp phần mềm tra cứu thông tin phương tiện vi phạm của Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc việc chia sẻ dữ liệu về đăng ký xe từ cơ quan đăng ký xe gặp sự cố bất khả kháng, cơ sở đăng kiểm thực hiện thủ tục kiểm định cho phương tiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, khi kết quả kiểm định đạt yêu cầu cơ sở đăng kiểm cấp tem kiểm định và giấy hẹn cấp giấy chứng nhận kiểm định cho chủ xe theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này: mẫu số 01 dùng cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng; mẫu số 04 dùng cho xe mô tô, xe gắn máy. Khi sự cố được khắc phục, cơ sở đăng kiểm thực hiện tra cứu nếu phát hiện phương tiện thuộc đối tượng bị từ chối kiểm định hoặc không có dữ liệu về đăng ký xe từ cơ quan đăng ký xe thì thông báo theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này gửi cho chủ xe, đồng thời thực hiện thu hồi, tem kiểm định. Trường hợp phương

tiện không thuộc đối tượng bị từ chối kiểm định thì cấp giấy chứng nhận và thông báo cho chủ xe.

6. Trường hợp xảy ra sự cố bất khả kháng dẫn đến cơ sở đăng kiểm không thực hiện được việc cấp giấy chứng nhận kiểm định, cơ sở đăng kiểm cấp tem kiểm định và giấy hẹn cấp giấy chứng nhận kiểm định cho chủ xe theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này: mẫu số 01 dùng cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng; mẫu số 04 dùng cho xe mô tô, xe gắn máy. Ngay sau khi sự cố được khắc phục, cơ sở đăng kiểm thực hiện ngay việc cấp giấy chứng nhận kiểm định, đồng thời thông báo cho chủ xe được biết.

7. Trường hợp phát hiện thông tin trên bản sao Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước) hoặc thông tin trên bản sao Thông báo miễn hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (đối với xe nhập khẩu) khác với cơ sở dữ liệu của Cục Đăng kiểm Việt Nam thì cơ sở đăng kiểm phải thông báo cho chủ xe theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp xe đã được cấp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định thì cơ sở đăng kiểm thực hiện việc thu hồi giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định, đồng thời đưa thông tin thu hồi giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định lên hệ thống thông tin của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

8. Trường hợp xe thực hiện kiểm định lại ngay trong ngày thì cơ sở đăng kiểm chỉ kiểm tra, đánh giá lại các hạng mục không đạt trước đó; đối với xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng có kết quả kiểm tra, đánh giá ở các hạng mục liên quan đến hệ thống phanh, hệ thống lái, cơ sở đăng kiểm thực hiện kiểm tra, đánh giá lại toàn bộ các hạng mục thuộc hệ thống phanh, hệ thống lái. Trường hợp xe kiểm định lại vào ngày khác hoặc bởi cơ sở đăng kiểm khác thì phải thực hiện lại từ đầu trình tự, thủ tục kiểm định.

9. Đối với trường hợp xe sản xuất, lắp ráp trong nước có Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc xe nhập khẩu có Giấy chứng nhận hoặc Thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường có nội dung về việc tham gia giao thông đường bộ cần phải được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền về quản lý đường bộ, cơ sở đăng kiểm chỉ phát hành Giấy chứng nhận kiểm định không cấp tem kiểm định. Tại mục ghi chú của giấy chứng nhận kiểm định ghi nội dung: *“Khi tham gia giao thông trên đường dành cho giao thông công cộng phải được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền về quản lý đường bộ”*.

10. Trường hợp xe sản xuất, lắp ráp trong nước có Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc xe nhập khẩu có Giấy chứng nhận hoặc Thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường có nội dung về việc xe chỉ được phép tham gia giao thông trên đường chuyên dùng, cảng, công trường, không được tham gia giao thông trên đường dành cho giao thông công cộng. Cơ sở đăng kiểm chỉ cấp Giấy chứng nhận kiểm định không cấp tem kiểm định, tại mục ghi chú của giấy chứng nhận kiểm định ghi nội dung: *“Xe này không được tham gia giao thông trên đường dành cho giao thông công cộng”*.

11. Trường hợp thay đổi về trang, thiết bị nội thất nêu tại điểm a khoản 6 mục I Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này, cơ sở đăng kiểm thực hiện việc kiểm định và ghi nhận thông số kích thước thực tế của xe trong Giấy chứng nhận kiểm định.

12. Trường hợp thông tin của xe có sự thay đổi cơ sở đăng kiểm thực hiện cập nhật thông tin vào phiếu hồ sơ phương tiện của hồ sơ phương tiện, phần mềm quản lý kiểm định sau khi thực hiện kiểm định xe, cụ thể như sau:

a) Thay đổi thông tin về chủ sở hữu phương tiện, biển số đăng ký xe;

b) Thay đổi số khung, số động cơ: cơ sở đăng kiểm căn cứ vào hồ sơ phương tiện, chứng nhận đăng ký xe để kiểm tra, đối chiếu. Nếu số khung, số động cơ của xe phù hợp với chứng nhận đăng ký xe và xe phù hợp với dữ liệu lưu trữ thì cập nhật dữ liệu vào hồ sơ phương tiện, phần mềm quản lý kiểm định;

c) Xe được cấp chứng nhận cải tạo;

d) Trường hợp cơ sở đăng kiểm kiểm tra, đánh giá không phải là cơ sở đăng kiểm quản lý hồ sơ phương tiện thì có trách nhiệm gửi bản giấy hoặc dữ liệu điện tử các giấy tờ liên quan về cơ sở đăng kiểm quản lý hồ sơ phương tiện để cập nhật và lưu trữ, gồm các tài liệu sau:

Bản sao có đóng dấu của cơ sở đăng kiểm kiểm tra, đánh giá: bản sao chụp dữ liệu chia sẻ giấy tờ về đăng ký xe, giấy chứng nhận kiểm định đối với trường hợp xe có sự thay đổi; bản chính giấy chứng nhận cải tạo; ảnh chụp số khung, số động cơ đối với trường hợp xe đóng lại số khung, số động cơ; bản sao 02 ảnh chụp phương tiện (tổng thể chéo phía trước và phía sau góc khoảng từ 30 độ đến 45 độ có độ phân giải tối thiểu 1280x720 pixels, rõ nét, thể hiện thời gian thực khi chụp gồm ngày, tháng, năm, giờ, phút chụp ảnh) đối với xe cải tạo, xe có thay đổi biển số xe, ảnh chụp các thay đổi không coi là cải tạo.

13. Trường hợp sử dụng dữ liệu tra cứu hoặc hồ sơ xuất trình hoặc khi hệ thống công nghệ thông tin bị sự cố bất khả kháng Cơ sở đăng kiểm phải lưu bản sao, chụp vào hồ sơ phương tiện hoặc hồ sơ kiểm định.

14. Trường hợp phương tiện có kết quả kiểm định không đạt được kiểm định lại và có kết quả kiểm định đạt yêu cầu thì cơ sở đăng kiểm thực hiện việc gỡ thông tin không đạt trước đó ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá.

Chương V

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH, TEM KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI, XE MÁY CHUYỂN DÙNG

Điều 15. Nguyên tắc chung

1. Việc cấp lại được thực hiện trong các trường hợp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định bị sai thông tin, bị hỏng, bị mất. Chủ xe không phải mang xe đến cơ sở đăng kiểm để kiểm định lại.

2. Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định cấp lại có thời hạn hiệu lực cùng với thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định đã cấp

và được thực hiện bởi cùng một cơ sở đăng kiểm. Trường hợp cơ sở đăng kiểm đã cấp giấy chứng nhận kiểm định bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới thì việc cấp lại được thực hiện bởi cơ sở đăng kiểm được chỉ định nhận bàn giao hồ sơ.

Điều 16. Hồ sơ đề nghị cấp lại

Chủ xe nộp đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định, theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này và xuất trình:

- a) Giấy tờ về đăng ký xe;
- b) Giấy tờ về chủ xe.

Điều 17. Trình tự, thủ tục cấp lại

Chủ xe nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 16 Thông tư này trực tuyến trên trang Thông tin điện tử hoặc trên ứng dụng đăng kiểm của Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính tới cơ sở đăng kiểm. Trường hợp hồ sơ đầy đủ và xe không thuộc đối tượng bị từ chối kiểm định, cơ sở đăng kiểm thực hiện cấp lại chứng nhận kiểm định, tem kiểm định trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính hoặc cấp trực tuyến đối với trường hợp là giấy chứng nhận điện tử cho chủ xe cụ thể như sau:

1. Trường hợp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định bị sai thông tin, cơ sở đăng kiểm cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định trong 04 giờ làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ và thu hồi giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định bị sai. Cơ sở đăng kiểm không được thu giá dịch vụ trong trường hợp cấp lại này.

2. Trường hợp giấy chứng nhận kiểm định hoặc tem kiểm định bị hỏng nhưng có đủ thông tin để xác định số sê ri hoặc biển số xe cơ sở đăng kiểm cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định trong 04 giờ làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ và thu hồi giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định bị hỏng. Cơ sở đăng kiểm được thu giá dịch vụ trong trường hợp cấp lại này.

3. Trường hợp giấy chứng nhận kiểm định hoặc tem kiểm định bị mất đồng thời hoặc chỉ bị mất một trong hai hoặc giấy chứng nhận kiểm định hoặc tem kiểm định bị hỏng nhưng không có đủ thông tin để xác định số sê ri hoặc biển số xe cơ sở đăng kiểm lập giấy tiếp nhận thông tin báo mất theo mẫu số 02 quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này, đăng tải thông tin báo mất giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định trên phần mềm quản lý kiểm định. Sau 15 ngày kể từ ngày đăng thông tin báo mất nếu không được tìm thấy, chủ xe mang theo giấy tiếp nhận thông tin báo mất và giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định (không bị mất) tới cơ sở đăng kiểm để được cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định trong ngày và đồng thời thu hồi giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định cũ không bị mất. Cơ sở đăng kiểm được thu giá dịch vụ trong trường hợp cấp lại này.

Chương VI

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH, TEM KIỂM ĐỊNH, LƯU TRỮ
HỒ SƠ CÔNG TÁC KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI, XE MÁY CHUYÊN
DÙNG**

Điều 18. Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng

1. Cơ sở đăng kiểm phát hành giấy chứng nhận kiểm định, cấp tem kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng theo mẫu quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư này, trên giấy chứng nhận kiểm định có thể hiện số seri của tem kiểm định đối với trường hợp phương tiện được cấp tem kiểm định;

2. Thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận kiểm định được cấp theo chu kỳ kiểm định quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này nhưng không vượt quá ngày hết hạn của chứng nhận đăng ký xe hoặc đến hết ngày 31 tháng 12 của năm hết niên hạn sử dụng của xe theo điều kiện nào đến trước.

3. Cơ sở đăng kiểm in tem kiểm định đối với xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trên phần mềm quản lý kiểm định phù hợp với các loại phương tiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026, cụ thể như sau:

a) Tem kiểm định màu xanh lá cây dùng cho xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường theo mẫu số 01 Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tem kiểm định màu vàng cam dùng cho các xe cơ giới khác theo mẫu số 02 Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Tem kiểm định màu tím hồng dùng cho xe máy chuyên dùng theo mẫu số 03 Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Giấy chứng nhận kiểm định là giấy chứng nhận bản điện tử được tạo lập từ cơ sở dữ liệu kiểm định của phương tiện trên phần mềm quản lý kiểm định hoặc giấy chứng nhận bản giấy (đối với hồ sơ giấy) theo mẫu quy định tại Phụ lục số XX ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm: mẫu số 04 đối với xe cơ giới (sử dụng động cơ đốt trong), mẫu số 05 đối với xe cơ giới (sử dụng động cơ điện), mẫu số 06 đối với rơ moóc, sơ mi rơ moóc, mẫu số 07 đối với xe máy chuyên dùng (sử dụng động cơ đốt trong), mẫu số 08 đối với xe máy chuyên dùng (sử dụng động cơ điện), mẫu số 09 đối với xe mô tô, xe gắn máy.

5. Tem kiểm định được dán trên xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng như sau:

a) Đối với các loại xe (gồm các loại ô tô, xe chở người bốn bánh, xe chở hàng bốn bánh và một số loại xe máy chuyên dùng) có khoang điều khiển (ca bin) và trang bị kính chắn gió phía trước: vị trí dán tem kiểm định tại góc phía trên, bên phải (theo chiều tiến của xe), ở mặt trong của kính chắn gió phía trước; mặt trước của tem hướng ra ngoài;

b) Đối với rơ moóc, sơ mi rơ moóc và các loại xe máy chuyên dùng không thuộc điểm a khoản này thì thực hiện: trang bị lớp bảo vệ tem kiểm định trong quá trình sử dụng, mặt trước phải được bảo vệ bằng vật liệu trong suốt để quan sát

được nội dung, dán (hoặc gắn) lên xe tại các vị trí dễ quan sát, hạn chế được các tác động từ bên ngoài ảnh hưởng tới độ bền của tem kiểm định trong quá trình xe di chuyển, mặt trước của tem kiểm định hướng ra ngoài;

c) Tem kiểm định được nhân viên của cơ sở đăng kiểm dán trong trường hợp xe được kiểm định tại cơ sở đăng kiểm; chủ xe tự dán trong trường hợp xe thuộc đối tượng được miễn kiểm định hoặc được kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm hoặc được cấp lại.

Điều 19. Lưu trữ hồ sơ

Cơ sở đăng kiểm phải quản lý, lưu trữ (ở dạng giấy hoặc điện tử) bao gồm những hồ sơ sau (trừ trường hợp các hồ sơ này đã được thiết lập trực tuyến và được lưu trữ trên phần mềm quản lý kiểm định của Cục Đăng kiểm Việt Nam):

1. Hồ sơ phương tiện bao gồm:

a) Phiếu hồ sơ phương tiện;

b) Bản sao chứng nhận đăng ký xe (bao gồm các lần thay đổi trong quá trình sử dụng xe) hoặc dữ liệu tra cứu thông tin giấy tờ về đăng ký xe;

c) Bản sao phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng kèm theo bản sao giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe sản xuất, lắp ráp hoặc bản in điện tử phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước) hoặc bản in điện tử giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe nhập khẩu (đối với xe nhập khẩu); bản xác nhận thông số kỹ thuật của xe theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này kèm theo tài liệu liên quan đến thông số kỹ thuật, năm sản xuất của xe (tài liệu công bố của nhà sản xuất hoặc kết quả giám định của tổ chức có thẩm quyền) hoặc dữ liệu tra cứu;

d) Bản chính các giấy chứng nhận cải tạo của các lần cải tạo hoặc dữ liệu tra cứu;

đ) 02 ảnh tổng thể (phía trước và phía sau xe chéo góc khoảng từ 30 độ đến 45 độ) xe khi lập hồ sơ phương tiện và khi xe có sự thay đổi, cải tạo;

e) Các giấy tờ liên quan đến việc bổ sung, sửa đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật trong quá trình sử dụng của xe hoặc dữ liệu tra cứu;

g) Bản sao giấy chứng nhận kiểm định khi lập hồ sơ phương tiện, khi thay đổi thông tin của xe, thông số kỹ thuật hoặc dữ liệu tra cứu;

h) Bản sao giấy chứng nhận kết quả kiểm định thiết bị nâng, bình chịu áp lực hoặc dữ liệu tra cứu;

i) Bản sao giấy tờ về chủ xe hoặc dữ liệu tra cứu.

2. Hồ sơ kiểm định được lưu theo từng ngày, gồm có:

a) Phiếu kiểm soát kiểm định;

b) Phiếu kiểm định (đối với trường hợp kiểm định lại trong ngày làm việc thì các phiếu kiểm định lưu trong cùng một bộ hồ sơ kiểm định);

c) Bản sao hoặc dữ liệu thông tin giấy tờ: đăng ký xe, chủ xe, giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định cấp mới cho xe;

d) Phôi tem kiểm định (đối với trường hợp không cấp tem kiểm định);

đ) Các giấy tờ hoặc dữ liệu thông tin liên quan đến cập nhật hồ sơ phương tiện;

e) Bản in hoặc dữ liệu thông tin ảnh chụp khoang hành lý (hầm hàng); ảnh chụp bên trong từ đầu xe và từ cuối xe;

g) Bản sao hoặc dữ liệu thông tin giấy chứng nhận kiểm định thiết bị nâng, bình chịu áp lực của tổ chức có thẩm quyền;

h) Văn bản hoặc dữ liệu thông tin đề nghị kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm;

i) Bản sao giấy tờ về chủ xe hoặc dữ liệu tra cứu thông tin giấy tờ về chủ xe.

3. Hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định được lưu theo cùng với hồ sơ kiểm định, gồm có:

a) Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định;

b) Bản sao hoặc dữ liệu thông tin giấy tờ: đăng ký xe, chủ xe, giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định cấp mới;

c) Giấy tiếp nhận thông tin hoặc dữ liệu thông tin báo mất giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định;

d) Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định bị in sai, bị hỏng hoặc dữ liệu thông tin giấy kiểm định bị in sai;

4. Các loại sổ (bản giấy hoặc bản điện tử) được lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm gồm:

a) Sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định theo mẫu số 01, mẫu số 02, mẫu số 06 quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Sổ quản lý hồ sơ phương tiện theo mẫu số 04, mẫu số 05, mẫu số 07 quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Thời gian, địa điểm lưu trữ

a) Hồ sơ phương tiện và sổ theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều này được lưu tại cơ sở đăng kiểm lập hồ sơ phương tiện trong quá trình sử dụng của xe. Hồ sơ phương tiện của xe hết niên hạn sử dụng lưu trữ tối thiểu 12 tháng kể từ khi xe hết niên hạn sử dụng;

b) Hồ sơ kiểm định và sổ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này được lưu tại cơ sở đăng kiểm và hủy sau 42 tháng kể từ ngày kiểm định;

c) Hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định và sổ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này được lưu theo ngày cùng với hồ sơ kiểm định tại cơ sở đăng kiểm và hủy sau 42 tháng kể từ ngày kiểm định;

d) Ảnh chụp xe kiểm định được lưu với định dạng .JPEG theo ngày kiểm định tại cơ sở đăng kiểm trong thời gian tối thiểu 42 tháng kể từ ngày kiểm định.

Chương VII

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI XE CƠ GIỚI CẢI TẠO, XE MÁY CHUYÊN DÙNG CẢI TẠO

Điều 20. Nguyên tắc chung

1. Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng có sự thay đổi so với xe trước cải tạo liên kế trước đó theo nguyên tắc xác định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng cải tạo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này, thì phải thực hiện thủ tục chứng nhận cải tạo.

2. Khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất của xe cải tạo không vượt quá giá trị khối lượng toàn bộ theo thiết kế của nhà sản xuất, giá trị phân bố của khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất lên các trục không vượt quá tải trọng trục lớn nhất của nhà sản xuất và quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

3. Trường hợp cải tạo động cơ, bao gồm cả thay thế động cơ đốt trong bằng động cơ điện và ngược lại, thì động cơ cải tạo phải có giá trị công suất lớn nhất theo công bố của nhà sản xuất động cơ nằm trong khoảng từ 90% đến 120% so với giá trị công suất lớn nhất của động cơ theo thiết kế của nhà sản xuất xe (trừ trường hợp xe mô tô, xe gắn máy lắp thêm động cơ điện cho trục bị động).

4. Các trường hợp cải tạo xe cơ giới phải được thiết kế và thi công bởi nhà sản xuất xe hoặc đại diện ủy quyền hợp pháp của nhà sản xuất gồm:

- a) Cải tạo thay đổi kích cỡ lốp, số trục và vết bánh xe của xe cơ giới;
- b) Cải tạo thay đổi khoảng cách giữa các trục của xe cơ giới;
- c) Cải tạo thay thế khung xe; cải tạo nối dầm sát xi (trừ trường hợp cải tạo nối dài dầm sát xi về phía sau theo chiều tiến của xe);
- d) Cải tạo các hệ thống phanh, hệ thống treo và hệ thống lái của xe cơ giới (trừ trường hợp: cải tạo lắp đặt hoặc tháo bỏ bàn đạp phanh phụ trên xe tập lái, xe sát hạch lái xe; cải tạo để cung cấp năng lượng và điều khiển hệ thống phanh của rơ moóc, sơ mi rơ moóc; cải tạo các cơ cấu điều khiển và ghế ngồi phù hợp với chức năng vận động của người khuyết tật điều khiển xe);
- đ) Cải tạo liên quan đến giường nằm xe khách (trừ trường hợp cải tạo từ giường nằm thành ghế ngồi);
- e) Cải tạo đối với xe nhập khẩu có giấy chứng nhận (hoặc thông báo miễn kiểm tra) chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường có tải trọng, kích thước quá tải, quá khổ theo quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và trường hợp xe ô tô sát xi được nhập khẩu, trên Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe nhập khẩu tại mục

“Ghi chú” có nội dung: “Chiếc xe này chỉ được sử dụng để sản xuất, lắp ráp thành ô tô tải tự đổ, không được phép tham gia giao thông đường bộ”;

g) Cải tạo, thay thế hệ thống lưu trữ năng lượng điện (hệ thống REESS) của xe hybrid, xe thuần điện hoặc loại ắc quy sử dụng cho mô tô, xe gắn máy điện và các loại xe khác;

h) Cải tạo ô tô chở người loại khác thành ô tô con.

5. Xe cải tạo phải lập hồ sơ thiết kế đáp ứng quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này, trừ các trường hợp không phải lập hồ sơ thiết kế cải tạo sau đây:

a) Xe được lắp đặt, thay thế hoặc tháo bỏ bàn đạp phanh phụ bằng cách liên kết với bàn đạp phanh chính thông qua một thanh đòn dẫn động cơ khí của ô tô; lắp đặt thiết bị giám sát thời gian và quãng đường thực hành lái xe (DAT) nếu nguồn điện của thiết bị được kết nối trực tiếp với ắc quy của xe qua cầu chì bảo vệ.

b) Xe ô tô PICKUP được lắp đặt hoặc thay thế, tháo bỏ nắp che khoang chở hàng, hành lý làm thay đổi kích thước lòng thùng hàng vượt quá sai số cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sai số cho phép và làm tròn số nhưng không làm thay đổi kích thước bao của xe;

c) Xe được tháo bỏ hệ thống cung cấp nhiên liệu sử dụng khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) hoặc khí thiên nhiên nén (CNG) cho động cơ của xe đối với xe cơ giới đã cải tạo lắp đặt thêm hệ thống cung cấp nhiên liệu (LPG, CNG) trở về chỉ sử dụng hệ thống cung cấp nhiên liệu của ô tô trước khi cải tạo hệ thống cung cấp nhiên liệu;

d) Xe được lắp, thay thế hoặc tháo bỏ giá nóc của ô tô con tuân thủ hướng dẫn của nhà sản xuất mà không làm thay đổi chiều rộng toàn bộ của xe;

đ) Xe được lắp, thay thế hoặc tháo bỏ bơm, thùng dầu và hệ thống đường ống thủy lực của ô tô đầu kéo để dẫn động cho hệ thống nâng hạ thùng hàng của sơ mi rơ moóc tải tự đổ;

e) Xe thay đổi khối lượng bản thân của thùng hàng hoặc vật liệu bọc, lót làm thay đổi khối lượng bản thân của xe vượt quá sai số cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sai số cho phép và làm tròn số QCVN 12:2011/BGTVT hoặc thùng xe thay đổi số lượng, vị trí, kết cấu cửa xếp dỡ hàng hóa nhưng không làm thay đổi kích thước bao của xe;

g) Xe lắp, thay thế hoặc tháo bỏ mui gió trên nóc ca bin ô tô đầu kéo làm thay đổi kích thước xe vượt quá giới hạn sai số cho phép được quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sai số cho phép và làm tròn số QCVN 12:2011/BGTVT đối với kích thước, khối lượng của xe cơ giới;

h) Xe có thay đổi về khối lượng bản thân, khối lượng hàng chuyên chở khác với chứng nhận đăng ký xe nhưng có các thông số kỹ thuật và hình ảnh phù hợp với giấy chứng nhận kiểm định được cấp ở lần gần nhất trước ngày Thông tư này có hiệu lực;

i) Các trường hợp xe đã cải tạo theo quy định trước ngày Thông tư này có hiệu lực nhưng không được coi là xe cải tạo theo quy định tại Thông tư này có nhu cầu chuyển đổi về xe cơ giới trước cải tạo;

k) Thay thế cụm đèn chiếu sáng phía trước bằng cụm đèn khác kiểu loại đã được chứng nhận hoặc công bố hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đèn chiếu sáng phía trước của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, có công suất tương đương và việc lắp đặt đèn không cần phải gia công thay đổi kết cấu xe;

l) Xe ô tô tải tự đổ có nhu cầu tự nguyện cắt giảm thể tích thùng hàng để phù hợp các quy chuẩn về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới;

m) Xe lắp, thay thế hoặc tháo bỏ thiết bị có chức năng cảnh báo, chống bỏ quên trẻ em trên xe.

n) Xe ô tô tải thông dụng lắp đặt, tháo các trang bị được quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ QCVN 01:2019/BCT để phục vụ vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ không làm thay đổi kích thước cơ bản của xe, kích thước thùng hàng, khối lượng cơ bản của xe thực tế chênh lệch so với thông số tương ứng trong giấy chứng nhận kiểm định không vượt quá sai số cho phép theo quy định tại QCVN 12:2011/BGTVT.

6. Không được cải tạo thay thế cùng một lúc cả khung xe và động cơ.

Điều 21. Hồ sơ đề nghị chứng nhận xe cơ giới cải tạo (trừ xe mô tô, xe gắn máy)

Chủ xe nộp 01 bộ hồ sơ theo hình thức trực tuyến (tại Trang thông tin điện tử hoặc trên ứng dụng đăng kiểm của Cục Đăng kiểm Việt Nam) hoặc trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính tới cơ sở đăng kiểm và lựa chọn bất kỳ cơ sở đăng kiểm nào trên phạm vi cả nước để nộp hồ sơ. Hồ sơ đề nghị chứng nhận cải tạo gồm có:

1. Giấy tờ phải nộp gồm có:

a) Văn bản đề nghị chứng nhận cải tạo theo mẫu quy định tại Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Hồ sơ thiết kế cải tạo đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại mục A Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Ảnh chụp tại xưởng của cơ sở cải tạo gồm: 01 ảnh chụp tổng thể được chụp chéo góc khoảng từ 30 độ đến 45 độ phía trước, 01 ảnh chụp chéo góc khoảng 45 độ phía sau góc đối diện của xe cải tạo; ảnh chụp chi tiết các hệ thống, tổng thành của xe cải tạo; ảnh chụp kết cấu khung xương ở trạng thái chưa bọc vật liệu phủ của xe cơ giới đối với các trường hợp: cải tạo toàn bộ buồng lái, thân xe, khoang chở khách của xe chở người, cải tạo lắp mới thùng xe tải thành xe tải thùng kín (có hai mặt của vách thùng xe được bọc kín), xe tải bảo ôn, xe tải đông lạnh; ảnh chụp phải đảm bảo có độ phân giải tối thiểu 1280x720 pixels, rõ nét, thể

hiện thời gian thực khi chụp (gồm ngày, tháng, năm, giờ, phút chụp ảnh), ảnh chiếm diện tích tối thiểu 75% diện tích khung ảnh;

d) Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo (bản chính hoặc bản điện tử) của cơ sở cải tạo xe theo mẫu số 01 quy định tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Bảng kê các hệ thống, tổng thành thay thế của xe cải tạo theo mẫu quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Các tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe cơ giới trước cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo và tài liệu xác nhận nguồn gốc của các hệ thống, tổng thành của xe sử dụng để cải tạo;

g) Văn bản chấp thuận sử dụng chung hồ sơ thiết kế xe cơ giới của cơ sở thiết kế theo mẫu quy định tại Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư này đối với trường hợp xe cơ giới cải tạo phù hợp với hồ sơ thiết kế;

h) Bản chính phiếu cân khối lượng bản thân và phân bố khối lượng bản thân lên các trục của xe sau cải tạo được thực hiện bởi tổ chức đáp ứng quy định về pháp luật đo lường. Trường hợp cơ sở đăng kiểm trang bị cân theo quy định thì không phải xuất trình giấy tờ này;

i) Giấy ủy quyền của chủ sở hữu xe theo quy định của pháp luật đối với trường hợp người đi làm thủ tục chứng nhận cải tạo không phải là chủ sở hữu.

Các giấy tờ quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g khoản này không áp dụng đối với trường hợp xe cải tạo nêu tại khoản 5 Điều 20 Thông tư này.

2. Giấy tờ phải xuất trình khi thực hiện việc kiểm tra, đánh giá thực tế xe cải tạo gồm có:

- a) Giấy tờ về đăng ký xe;
- b) Giấy chứng nhận kiểm định thiết bị nâng, bình chịu áp lực;
- c) Giấy tờ về chủ xe.

Điều 22. Hồ sơ đề nghị chứng nhận xe máy chuyên dùng cải tạo; xe mô tô, xe gắn máy cải tạo

Chủ xe nộp trực tuyến 01 bộ hồ sơ trang Thông tin điện tử hoặc trên ứng dụng đăng kiểm của Cục Đăng kiểm Việt Nam và lựa chọn bất kỳ cơ sở đăng kiểm nào trên phạm vi cả nước để nộp hồ sơ. Trường hợp bất khả kháng, chủ xe nộp hồ sơ giấy trực tiếp tại cơ sở đăng kiểm hoặc qua hệ thống bưu chính. Hồ sơ đề nghị chứng nhận cải tạo gồm có:

1. Giấy tờ phải nộp gồm có:

a) Văn bản đề nghị chứng nhận cải tạo theo mẫu quy định tại Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Hồ sơ thiết kế cải tạo đáp ứng quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này bao gồm: mục B - dùng cho xe máy chuyên dùng; mục C - dùng cho xe mô tô, xe gắn máy;

c) Ảnh chụp tại xưởng của cơ sở cải tạo gồm: 01 ảnh chụp tổng thể được chụp chéo góc khoảng từ 30 độ đến 45 độ phía trước, 01 ảnh chụp chéo góc khoảng 45 độ phía sau góc đối diện của xe cải tạo; ảnh chụp chi tiết các hệ thống, tổng thành của xe cải tạo; ảnh chụp phải đảm bảo có độ phân giải tối thiểu 1280x720 pixels, rõ nét, thể hiện thời gian thực khi chụp (gồm ngày, tháng, năm, giờ, phút chụp ảnh), ảnh chiếm diện tích tối thiểu 75% diện tích khung ảnh;

d) Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo (bản chính hoặc bản điện tử) của cơ sở cải tạo xe theo mẫu số 01 quy định tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Bảng kê các hệ thống, tổng thành của xe cải tạo theo mẫu quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Các tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe trước cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo; tài liệu xác nhận nguồn gốc của các hệ thống, tổng thành của xe sử dụng để cải tạo;

g) Bản chính phiếu cân khối lượng bản thân và phân bố khối lượng bản thân lên các trục (không áp dụng với xe máy chuyên dùng) của xe sau cải tạo được thực hiện bởi tổ chức đáp ứng quy định về pháp luật đo lường. Trường hợp cơ sở đăng kiểm trang bị cân theo quy định thì không phải xuất trình giấy tờ này;

h) Giấy ủy quyền của chủ sở hữu xe theo quy định của pháp luật đối với trường hợp người đi làm thủ tục chứng nhận xe cải tạo không phải là chủ sở hữu.

i) Văn bản chấp thuận sử dụng chung hồ sơ thiết kế xe mô tô, xe gắn máy của cơ sở thiết kế theo mẫu quy định tại Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư này đối với trường hợp xe mô tô, xe gắn máy cải tạo có cùng kiểu loại và phù hợp với hồ sơ thiết kế.

2. Giấy tờ phải xuất trình khi thực hiện việc kiểm tra, đánh giá thực tế xe cải tạo gồm có:

a) Giấy tờ về đăng ký xe;

b) Giấy chứng nhận kiểm định thiết bị nâng, bình chịu áp lực;

c) Giấy tờ về chủ xe.

Điều 23. Trình tự, thủ tục chứng nhận xe cải tạo

1. Tiếp nhận hồ sơ

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ sở đăng kiểm thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, kiểm tra thông tin của cơ sở thiết kế, cơ sở cải tạo đáp ứng khoản 12, khoản 13 Điều 3 đối với trường hợp xe phải thiết kế, cải tạo. Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ sở đăng kiểm ký xác nhận vào Phiếu tiếp nhận hồ sơ đề nghị chứng nhận cải tạo theo mẫu quy định tại Phụ lục XII của Thông tư này, thực hiện kiểm tra, đánh giá hồ sơ thiết kế cải tạo. Trường hợp không đầy đủ, cơ sở đăng kiểm trả lại hồ sơ (đối với hồ sơ điện tử) hoặc thông báo không đạt theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này (đối với hồ sơ giấy), gửi trực tiếp cho chủ xe (đối với trường hợp hồ sơ đề nghị

được nộp trực tiếp) hoặc gửi qua đường bưu chính (đối với trường hợp hồ sơ đề nghị được nộp qua đường bưu chính) để chủ xe bổ sung, sửa đổi.

b) Cơ sở đăng kiểm có quyền từ chối tiếp nhận (đối với hồ sơ điện tử) hoặc thông báo không đạt theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này (đối với hồ sơ giấy) đối với trường hợp cải tạo hạng mục cấm cải tạo theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm tra, đánh giá hồ sơ thiết kế cải tạo

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trừ các trường hợp quy định khoản 5 Điều 20 Thông tư này), cơ sở đăng kiểm thực hiện như sau:

a) Trường hợp nội dung hồ sơ thiết kế cải tạo đáp ứng theo quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này và nội dung thiết kế phù hợp các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới, cơ sở đăng kiểm lập thông báo theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này gửi cho chủ xe thông tin về thời gian và địa điểm kiểm tra, đánh giá thực tế xe cải tạo bằng hình thức trực tuyến (đối với hồ sơ điện tử) hoặc gửi trực tiếp cho chủ xe (đối với trường hợp hồ sơ đề nghị được nộp trực tiếp) hoặc gửi qua đường bưu chính (đối với trường hợp hồ sơ đề nghị được nộp qua đường bưu chính);

b) Trường hợp nội dung hồ sơ thiết kế cải tạo không đủ nội dung theo quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này, hoặc có nội dung không phù hợp với các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới, cơ sở đăng kiểm lập thông báo theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này gửi cho chủ xe ghi rõ nội dung cần bổ sung, sửa đổi bằng hình thức trực tuyến (đối với hồ sơ điện tử) hoặc gửi trực tiếp cho chủ xe (đối với trường hợp hồ sơ đề nghị được nộp trực tiếp) hoặc gửi qua đường bưu chính (đối với trường hợp hồ sơ đề nghị được nộp qua đường bưu chính). Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo, chủ xe có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thiết kế cải tạo; khi nhận được hồ sơ thiết kế bổ sung, sửa đổi, cơ sở đăng kiểm thực hiện kiểm tra, đánh giá hồ sơ thiết kế cải tạo theo quy định tại điểm a khoản này; quá thời hạn trên, thủ tục chứng nhận cải tạo phải thực hiện lại từ đầu.

3. Kiểm tra, đánh giá thực tế xe cải tạo

a) Đối với xe cải tạo phải lập hồ sơ thiết kế cải tạo: trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày thông báo kiểm tra, đánh giá xe thực tế, cơ sở đăng kiểm thực hiện như sau:

Kiểm tra, đối chiếu xe thực tế với hồ sơ thiết kế cải tạo;

Kiểm tra, đánh giá các hạng mục cải tạo của xe theo yêu cầu quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng;

Kiểm tra, đánh giá xe cải tạo theo yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ô tô, rơ moóc, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở

người bốn bánh có gắn động cơ trong kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường QCVN 122:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe máy chuyên dùng QCVN 13:2024/BGTVT;

Lập biên bản kiểm tra, đánh giá theo mẫu số 02 quy định tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này. Sai số cho phép đối với kích thước, khối lượng được áp dụng theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sai số cho phép và làm tròn số đối với kích thước, khối lượng, trong đó xe máy chuyên dùng được áp dụng sai số của xe ô tô chuyên dùng (trừ trường hợp quy chuẩn này có quy định về sai số riêng cho xe máy chuyên dùng).

b) Đối với xe cải tạo không phải lập hồ sơ thiết kế cải tạo: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ, cơ sở đăng kiểm thực hiện như sau:

Kiểm tra, đối chiếu xe thực tế với thông tin và thông số kỹ thuật của xe sau cải tạo được nêu tại văn bản đề nghị chứng nhận cải tạo;

Kiểm tra, đánh giá các hạng mục cải tạo của xe theo yêu cầu quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng;

Kiểm tra, đánh giá xe cơ giới cải tạo theo yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ô tô, rơ moóc, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ trong kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường QCVN 122:2024/BGTVT, kiểm tra, đánh giá xe máy chuyên dùng cải tạo theo yêu cầu kỹ thuật đối với xe đã qua sử dụng quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe máy chuyên dùng QCVN 13:2024/BGTVT;

Lập biên bản kiểm tra, đánh giá theo mẫu số 02 quy định tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này. Sai số cho phép đối với kích thước, khối lượng được áp dụng theo quy định nêu tại điểm a khoản này.

c) Chụp ảnh xe cải tạo tại địa điểm thực hiện kiểm tra, đánh giá xe thực tế, ảnh chụp có độ phân giải tối thiểu 1280x720 pixels, rõ nét, thể hiện thời gian thực khi chụp (gồm ngày, tháng, năm, giờ, phút chụp ảnh), ảnh chiếm diện tích tối thiểu 75% diện tích khung ảnh. Bao gồm các ảnh sau: 02 ảnh tổng thể phía trước và phía sau chéo góc khoảng từ 30 độ đến 45 độ, ảnh tổng thể của hệ thống, tổng thành cải tạo.

4. Xử lý kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế

a) Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá đạt yêu cầu: cấp giấy chứng nhận cải tạo theo mẫu quy định tại Phụ lục XVIII ban hành kèm theo Thông tư này. Giấy chứng nhận cải tạo được in từ phần mềm quản lý cải tạo xe (bản giấy hoặc bản điện tử). Trường hợp bất khả kháng mà không thể sử dụng phần mềm quản lý cải tạo cơ sở đăng kiểm sử dụng hồ sơ giấy để thực hiện in giấy chứng nhận cải tạo. Khi phần mềm quản lý cải tạo xe được khắc phục sự cố, cơ sở đăng kiểm phải nhập toàn bộ dữ liệu vào phần mềm quản lý cải tạo của Cục Đăng kiểm Việt Nam. Cấp

giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định cho xe nếu xe không thuộc đối tượng bị từ chối kiểm định;

b) Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu tại bất cứ hạng mục kiểm tra nào: lập thông báo theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, trong đó ghi rõ nội dung không đạt yêu cầu và gửi cho chủ xe bằng hình thức trực tuyến (đối với hồ sơ điện tử) hoặc gửi trực tiếp cho chủ xe (đối với trường hợp hồ sơ giấy). Chủ xe được khắc phục các nội dung không đạt trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo; quá thời hạn nêu trên, chủ xe không khắc phục hoặc kết quả kiểm tra, đánh giá lại không đạt, thủ tục chứng nhận cải tạo phải thực hiện lại từ đầu.

Điều 24. Xử lý các tình huống phát sinh

1. Xe cơ giới có: kết cấu, kích thước thùng hàng; kích thước bao của xe khác với giấy chứng nhận kiểm định lần gần nhất trước ngày Thông tư này có hiệu lực phải làm thủ tục chứng nhận xe cơ giới cải tạo. Hồ sơ chứng nhận gồm các tài liệu quy định tại điểm a, điểm b, điểm g, điểm h, điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 21 Thông tư này.

2. Trường hợp các xe cơ giới, xe máy chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý của Cục Hàng không Việt Nam chưa được chứng nhận trong sản xuất, lắp ráp, cải tạo và đã được kiểm định lần gần nhất trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì phải thực hiện thủ tục chứng nhận xe cơ giới cải tạo. Hồ sơ chứng nhận cải tạo đối với xe cơ giới thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, g, h, i khoản 1 và khoản 2 Điều 21. Hồ sơ chứng nhận cải tạo đối với xe máy chuyên dùng thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, h khoản 1 và khoản 2 Điều 22 Thông tư này.

3. Đối với các xe nhập khẩu, sản xuất lắp ráp trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 có trục nâng hạ, khi cải tạo được giữ nguyên các giá trị khối lượng toàn bộ, khả năng chịu tải của trục theo thiết kế của xe cơ sở đã được chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường nếu không cải tạo kết cấu liên quan đến khả năng chịu tải của xe cơ sở.

Điều 25. Cấp lại giấy chứng nhận cải tạo

1. Việc cấp lại giấy chứng nhận cải tạo được thực hiện bởi bất kỳ cơ sở đăng kiểm trên phạm vi cả nước.

2. Giấy chứng nhận cải tạo được cấp lại trong các trường hợp: bị mất, hỏng, sai thông tin.

3. Hồ sơ đề nghị cấp lại

Chủ xe nộp trực tuyến 01 bộ hồ sơ trên trang Thông tin điện tử hoặc trên ứng dụng đăng kiểm của Cục Đăng kiểm Việt Nam. Trường hợp bất khả kháng, chủ xe nộp hồ sơ giấy trực tiếp tại cơ sở đăng kiểm hoặc qua hệ thống bưu chính. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận cải tạo gồm có:

a) Giấy tờ phải nộp: đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này; giấy chứng nhận cải tạo bị hỏng hoặc bị sai thông tin;

b) Giấy tờ phải xuất trình: giấy tờ về chủ xe, giấy tờ về đăng ký xe hoặc bản chính chứng nhận thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe.

4. Trình tự, thủ tục cấp lại giấy chứng nhận cải tạo

Cơ sở đăng kiểm thực hiện việc cấp lại giấy chứng nhận cải tạo theo mẫu quy định tại Phụ lục XVIII ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm hoặc trường hợp hồ sơ điện tử được lưu tại phần mềm quản lý việc chứng nhận cải tạo của Cục Đăng kiểm Việt Nam; trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm khác, cụ thể như sau:

a) Cấp lại đối với trường hợp giấy chứng nhận cải tạo bị mất, hỏng: căn cứ dữ liệu lưu trữ trên phần mềm quản lý cải tạo xe và hồ sơ cải tạo lưu trữ để cấp lại;

b) Cấp lại đối với trường hợp giấy chứng nhận cải tạo sai thông tin: căn cứ dữ liệu lưu trữ trên phần mềm quản lý cải tạo xe và hồ sơ cải tạo lưu trữ, trường hợp đủ căn cứ xác định giấy chứng nhận cải tạo đã cấp bị sai thông tin thì tiến hành điều chỉnh thông tin và cấp lại giấy chứng nhận cải tạo.

5. Trường hợp giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo có thời hạn theo các quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy chứng nhận cải tạo, chủ xe có nhu cầu cấp lại để thực hiện việc cấp đổi chứng nhận đăng ký, việc cấp lại được thực hiện như sau:

a) Chủ xe nộp 01 bộ hồ sơ đến bất kỳ cơ sở đăng kiểm trên phạm vi cả nước bao gồm:

Giấy tờ phải nộp: đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này; giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo được cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc dữ liệu tra cứu;

Giấy tờ phải xuất trình: giấy tờ chủ xe, giấy tờ về đăng ký xe hoặc bản chính chứng nhận thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe;

b) Cơ sở đăng kiểm tiến hành kiểm tra đối chiếu các thông số kỹ thuật của xe cơ giới thực tế với giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo (hoặc dữ liệu lưu trữ trong phần mềm quản lý cải tạo xe nếu chủ xe không xuất trình được giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo đã được cấp), trường hợp phù hợp thì cấp lại giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo cho chủ xe; trường hợp không phù hợp, cơ sở đăng kiểm cấp thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. Để tiếp tục được cấp giấy chứng nhận cải tạo, chủ xe phải thực hiện theo quy định Điều 21, Điều 22, Điều 23 Thông tư này.

Điều 26. Quản lý, lưu trữ hồ sơ chứng nhận cải tạo

1. Cơ sở đăng kiểm lập sổ (bản giấy hoặc bản điện tử) theo dõi cấp giấy chứng nhận cải tạo theo mẫu số 03 quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới lưu trữ, bảo quản hồ sơ đảm bảo an toàn, khoa học, dễ tra cứu.

3. Thời gian lưu trữ hồ sơ (quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này) như sau: tối thiểu 12 tháng kể từ khi hết niên hạn đối với hồ sơ chứng nhận cải tạo của xe cơ giới có niên hạn sử dụng; tối thiểu 25 năm (tính từ năm cấp chứng nhận cải tạo) đối với hồ sơ chứng nhận cải tạo của các xe khác.

4. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận cải tạo bao gồm:

a) Bản sao các giấy tờ phải xuất trình và bản chính giấy tờ phải nộp theo quy định tại Điều 21 đối với xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy) hoặc Điều 22 đối với xe máy chuyên dùng, xe mô tô, xe gắn máy;

b) Biên bản kiểm tra, đánh giá an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cải tạo;

c) Bản sao giấy chứng nhận cải tạo;

d) Bản sao ảnh chụp xe cải tạo theo quy tại điểm c khoản 3 Điều 23.

5. Hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận cải tạo bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại;

b) Bản sao giấy chứng nhận cải tạo cấp lại;

c) Bản chính giấy chứng nhận cải tạo hỏng hoặc sai;

d) Bản sao giấy tờ về đăng ký xe, chủ xe.

Chương VIII

CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ PHƯƠNG TIỆN VI PHẠM

Điều 27. Dữ liệu về phương tiện vi phạm

1. Phương tiện vi phạm là phương tiện thuộc trường hợp bị từ chối kiểm định quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật và trường hợp phương tiện có kết quả kiểm định không đạt.

2. Phương thức đăng, gỡ thông tin phương tiện vi phạm

a) Phương tiện vi phạm được đăng trên phần mềm quản lý kiểm định của Cục Đăng kiểm Việt Nam;

b) Phương tiện bị đăng thông tin vi phạm được gỡ thông tin vi phạm ngay sau khi có kết quả kiểm định đạt yêu cầu hoặc có bằng chứng về việc đã khắc phục nội dung vi phạm;

3. Tổ chức thực hiện đăng, gỡ thông tin phương tiện vi phạm

a) Sở Xây dựng tải thực hiện việc đăng, gỡ thông tin phương tiện vi phạm đối với các trường hợp: theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng tại địa phương; khi chủ phương tiện chưa thực hiện xong yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết vụ việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo yêu cầu của cơ quan chức năng tại địa phương.

b) Cơ sở đăng kiểm thực hiện đăng, gỡ thông tin phương tiện vi phạm đối với trường hợp: thông tin thể hiện trên chứng nhận đăng ký xe không đúng với biển số xe hoặc với phương tiện thực tế khi làm thủ tục kiểm định; chưa thực hiện cấp đổi chứng nhận đăng ký xe tại lần kiểm định tiếp theo sau khi phương tiện đã được cấp chứng nhận cải tạo; có căn cứ xác thực việc chủ xe làm giả tài liệu, giấy tờ của phương tiện; phương tiện có kết quả kiểm định không đạt.

c) Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện đăng, gỡ thông tin phương tiện vi phạm theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng Trung ương.

Chương IX

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 28. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam

1. Tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Quản lý, kiểm tra hoạt động kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy, hoạt động chứng nhận xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo trên phạm vi cả nước; xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền đối với các vi phạm đối với các cá nhân, tổ chức trong hoạt động kiểm định, cải tạo.

3. Cung cấp tài khoản theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền để tra cứu, xác thực thông tin của giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định trên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

4. Cấp quyền cho Sở Xây dựng địa phương khai thác, sử dụng dữ liệu kiểm định, chứng nhận cải tạo xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

5. Xây dựng, quản lý, vận hành phần mềm trực tuyến để quản lý việc chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng trong kiểm định, cải tạo và chia sẻ dữ liệu với các cơ quan quản lý có liên quan khi có yêu cầu.

6. Tổ chức triển khai thực hiện việc đăng, gỡ thông tin phương tiện vi phạm theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 27 của Thông tư này.

Điều 29. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Tổ chức quản lý, kiểm tra hoạt động kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; hoạt động chứng nhận xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo tại địa phương; xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền đối với các vi phạm đối với các cá nhân, tổ chức trong hoạt động kiểm định, cải tạo.

2. Chia sẻ dữ liệu liên quan đến công tác kiểm định, chứng nhận xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo tại địa phương với các cơ quan có thẩm quyền.

3. Phối hợp với Cục Đăng kiểm Việt Nam trong việc thực hiện quản lý nhà nước về công tác kiểm định, chứng nhận xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo tại địa phương.

4. Tổ chức triển khai thực hiện việc đăng, gỡ thông tin phương tiện vi phạm theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 27 của Thông tư này.

Điều 30. Trách nhiệm của cơ sở đăng kiểm

1. Thực hiện việc chứng nhận kiểm định, chứng nhận cải tạo theo quy định tại Thông tư này.

2. Quản lý, cấp giấy chứng nhận cải tạo theo quy định tại Thông tư này.

3. Bảo mật tài khoản đăng nhập và đăng tải thông tin cảnh báo đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng có kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu trên phần mềm quản lý kiểm định và phần mềm quản lý cải tạo xe.

4. Truyền dữ liệu kết quả kiểm định dưới dạng file nén (giữ nguyên tên file) được kết xuất từ phần mềm quản lý kiểm định vào thư mục của cơ sở đăng kiểm tại máy chủ của Cục Đăng kiểm Việt Nam trong các ngày làm việc, mỗi ngày tối thiểu truyền 01 lần.

5. Kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa để duy trì độ chính xác, tình trạng hoạt động của thiết bị, dụng cụ kiểm tra.

6. Sử dụng phần mềm quản lý cải tạo xe do Cục Đăng kiểm Việt Nam cung cấp thống nhất trên cả nước.

7. Không thu giá, phí trong trường hợp cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định do cơ sở đăng kiểm in sai thông tin.

8. Cung cấp thông tin lưu trữ hồ sơ phương tiện tại cơ sở đăng kiểm cho các cơ sở đăng kiểm khác trong hoạt động kiểm định khi có đề nghị.

9. Cấp giấy chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy đối với đối tượng quy định tại Thông tư này.

10. Thực hiện chế độ đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về hoạt động kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

11. Tổ chức triển khai thực hiện việc đăng, gỡ thông tin phương tiện vi phạm theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 27 của Thông tư này.

12. Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ khi cấp giấy chứng nhận kiểm định, hiện quy định tại điểm d khoản 12 Điều 14 hoặc khoản 4 Điều 33 của Thông tư này.

13. Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ quy định tại khoản 12 Điều này thì thực hiện cập nhật dữ liệu vào hồ sơ phương tiện, phần mềm quản lý kiểm định. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ dữ liệu điện tử, cơ sở đăng kiểm in bản điện tử và lưu trữ cùng hồ sơ phương tiện.

Điều 31. Trách nhiệm của đăng kiểm viên

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm định; kết quả kiểm tra, đánh giá về công tác chứng nhận cải tạo.

2. Tuân thủ đúng quy định, quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan đến công tác kiểm định, công tác chứng nhận cải tạo.

3. Không được đưa ra các yêu cầu trái quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục kiểm định, chứng nhận cải tạo cơ giới, kiểm định khí thải xem mô tô, xe gắn máy đối với chủ xe.

Điều 32. Trách nhiệm của chủ xe

1. Nộp giá dịch vụ, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật về giá, pháp luật về phí và lệ phí.

2. Dán tem kiểm định theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 18 Thông tư này.

3. Không sử dụng giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xóa nội dung và làm giả.

4. Nộp lại tem kiểm định, giấy chứng nhận kiểm định, giấy chứng nhận cải tạo khi có thông báo thu hồi của cơ sở đăng kiểm.

5. Bảo dưỡng, sửa chữa xe định kỳ theo khuyến cáo (hướng dẫn) của nhà sản xuất xe.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Điều khoản chuyển tiếp

1. Giấy kiểm định, tem kiểm định đã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục được sử dụng đến khi hết thời hạn hiệu lực.

2. Đối với các trường hợp đã chứng nhận cải tạo trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà xe thực tế phù hợp với chứng nhận đăng ký xe thì tiếp tục thực hiện kiểm định và cấp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định khi kết quả kiểm định đạt yêu cầu hoặc cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định theo quy định tại Điều 17 của Thông tư này.

3. Đối với các trường hợp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định bị mất, hỏng, rách, sai thông tin cấp trước ngày thông tư này có hiệu lực, khi thực hiện cấp lại thì thực hiện cấp lại giấy chứng nhận kiểm định theo quy định của thông tư này. Đối với các phương tiện đã cấp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định trước ngày 01 tháng 01 năm 2027, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 khi cấp lại cơ sở đăng kiểm chỉ cấp lại giấy chứng nhận kiểm định.

4. Đối với các phương tiện thuộc đối tượng được miễn kiểm định lần đầu trước ngày Thông tư này có hiệu lực, đã được cấp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định, ở lần kiểm định tiếp theo sau lần miễn kiểm định lần đầu cơ sở đăng kiểm thực hiện như sau:

a) Chụp 02 ảnh tổng thể của xe ở góc chéo khoảng từ 30 độ đến 45 độ (phía trước và phía sau). Các ảnh này được sử dụng để lưu trong hồ sơ phương tiện đối với trường hợp cơ sở đăng kiểm thực hiện lập hồ sơ phương tiện;

b) Căn cứ vào dữ liệu chứng nhận về xe sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu hoặc kết quả kiểm tra xe thực tế, cơ sở đăng kiểm bổ sung thông số kỹ thuật bị thiếu vào hồ sơ phương tiện Cập nhật thông tin vào hồ sơ phương tiện, phần mềm quản lý kiểm định sau khi thực hiện kiểm định xe.

Trường hợp cơ sở đăng kiểm kiểm tra, đánh giá không phải là cơ sở đăng kiểm quản lý hồ sơ phương tiện thì gửi các giấy tờ quy định tại điểm a, b khoản này về cơ sở đăng kiểm quản lý hồ sơ phương tiện để cập nhật và lưu trữ.

Điều 34. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Thông tư này bãi bỏ các quy định tại:

a) Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

b) Điều 40, Điều 41, Điều 42, Điều 43, Điều 44, Điều 45, Điều 46, Điều 47, Điều 48, Điều 49, Điều 50, Điều 51, Điều 52, Điều 53 và Điều 54 Thông tư số 71/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, hàng không dân dụng và thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật được dẫn chiếu trong Thông tư này có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật sửa đổi, bổ sung, thay thế đó./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ XD;
- Lưu: VT, KHCNMT&VLXD.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Anh Tuấn